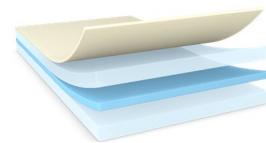




tesa® 58372

Thông tin Sản phẩm



Băng keo chống cháy PET hai mặt 50µm

Mô tả sản phẩm

tesa® 58372 là một loại băng keo PET hai mặt trắng mờ với chất kết dính acrylic chống cháy.

Chất kết dính acrylic chống cháy mang lại cho sản phẩm này đặc tính chống cháy độc đáo, và cũng có hiệu suất kết dính tốt ngay cả sau điều kiện bảo quản lâu dài. Lớp nền PET siêu mỏng mang lại hiệu suất chuyển đổi tuyệt vời cho mục đích cán màng. Lớp lót thủy tinh có logo màu trắng / đỏ đảm bảo có thể dễ dàng gỡ bỏ mà không để lại keo.

Đặc điểm kỹ thuật của tesa® 58372:

- Độ dày: 50µm
- Tiêu chuẩn chống cháy UL 94 VTM-0
- Độ bám dính tốt
- Độ bền cao
- Dễ dàng cắt và đập định hình
- Tuân thủ theo tiêu chuẩn RoHS, REACH hiện hành
- Không chứa Halogen

Ứng dụng

tesa® 58372 có thể được ứng dụng để niêm phong gói pin EV để đáp ứng yêu cầu chống cháy cho thị trường di động điện tử. Nó cũng được sử dụng cho các ứng dụng liên kết chung, đặc biệt là trong hệ thống pin EV và ứng dụng khác trong ngành công nghiệp ô tô khi có yêu cầu chống cháy.

Thông tin kỹ thuật (giá trị trung bình)

Các giá trị trong phần này chỉ nên được coi là mang tính đại diện hoặc điển hình và không nên sử dụng cho mục đích thiết lập thông số kỹ thuật.

Cấu tạo sản phẩm

- | | | | |
|----------------------------|------------------|--------------------------|---------------------|
| • Lớp nền | Film PET | • Màu sắc | trong mờ |
| • Loại keo | acrylic cải tiến | • Màu lớp lót | logo trắng/đỏ |
| • Vật liệu lớp lót (liner) | glassine | • Định lượng của lớp lót | 80 g/m ² |
| • Độ dày | 50 µm | • Độ dày lớp lót | 69 µm |

Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- | | | | |
|---------------------------------|--------|---------------------|-----|
| • Chịu nhiệt trong dài hạn | 125 °C | • Khả năng chống ẩm | tốt |
| • Kháng lực kéo trượt tĩnh 23°C | tốt | | |

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=58372>



tesa® 58372

Thông tin Sản phẩm

Độ kết dính trên

• ABS (ban đầu)	5.1 N/cm	• PC (sau 3 ngày)	7.3 N/cm
• ABS (sau 3 ngày)	7.1 N/cm	• PI (ban đầu)	5.9 N/cm
• nhôm (ban đầu)	6.3 N/cm	• PI (sau 3 ngày)	7.4 N/cm
• nhôm (sau 3 ngày)	6.8 N/cm	• thép (ban đầu)	7.1 N/cm
• Adhesion to ASTM (initial)	7.1 N/cm	• thép (sau 3 ngày)	8.5 N/cm
• PC (ban đầu)	6.3 N/cm		

Disclaimer

sản phẩm của tesa® được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=58372>